

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833101] - Hệ thống sản xuất linh
hoạt (CCQ2315A)

CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

Số SV có mặt:.....17

Số bài thi:17

Số tờ giấy thi:.....17

Quản lý Nguyễn Lê Nhựt Tuyên Nguyễn Việt Khoa
Quản lý Nguyễn Lê Nhựt Tuyên Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150034	Nguyễn Văn	Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A		Tuấn	7.3	6.0	6.5
2	2123150030	Nguyễn Thành	Đạt	17/08/2005	CCQ2315A		Đạt	5.2	5.0	5.1
3	2123150036	Võ Hồ Bảo	Duy	14/06/2005	CCQ2315A		Duy	7.9	9.0	8.6
4	2123150020	Đoàn Hoàng	Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A		Hiệp	7.7	7.0	7.3
5	2123150019	Lê Văn	Hung	13/01/2005	CCQ2315A		Hung	8.4	8.5	8.5
6	2123150007	Lê Thanh	Huy	28/03/2005	CCQ2315A					
7	2123150003	Phạm Duy	Khanh	07/05/2004	CCQ2315A		Khanh	7.9	8.3	8.1
8	2123150029	Trương Tuấn	Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A		Kiệt	6.9	7.0	7.0
9	2123150037	Trần Hoài	Linh	13/09/2005	CCQ2315A		Linh	5.5	6.0	5.8
10	2123150021	Nguyễn Thành	Lộc	08/05/2003	CCQ2315A		Lộc	5.3	5.0	5.1
11	2123150023	Tô Hữu	Lực	29/01/2005	CCQ2315A		Lực	6.6	5.5	5.9
12	2123150014	Nguyễn Hồng	Nhật	01/06/2005	CCQ2315A		Nhật	8.1	7.5	7.7
13	2123150012	Võ Văn	Phát	07/07/2005	CCQ2315A					
14	2123150005	Đỗ Văn	Phú	05/10/2005	CCQ2315A		Phú	8.3	8.0	8.1
15	2123150013	Võ Hồng	Phúc	30/11/2005	CCQ2315A		Phúc	1.6	0.0	0.6
16	2123150016	Trần Ngọc	Thanh	29/12/2005	CCQ2315A					
17	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CCQ2315A		Tiến	7.7	7.5	7.6
18	2123150008	Nguyễn Chí	Tiến	09/04/2005	CCQ2315A		Tiến	7.8	8.3	8.1
19	2123150017	Phạm Minh	Trường	17/01/2003	CCQ2315A		Trường	9.1	9.5	9.3
20	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A		Tuấn	7.1	7.1	7.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

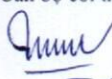
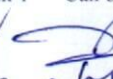
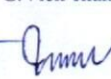
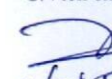
Môn học : [22833102] - Hệ thống sản xuất linh
hoạt (CCQ2315B)

CBGD: Nguyễn Lê Nhật Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 22...

Số bài thi:22...

Số tờ giấy thi: 22..

   
Nguyễn Tuyên Nguyễn Khoa Nguyễn Tuyên Nguyễn Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150067	Lê Nhật	Anh	25/08/2005	CCQ2315B		Anh	6.2	6.0	6.1
2	2123150044	Lê Đình	Chương	15/05/2005	CCQ2315B		chương	7.0	7.0	7.0
3	2123150002	Nguyễn Bá	Đạt	08/05/2003	CCQ2315B		Đạt	8.2	7.5	7.8
4	2123150043	Huỳnh Quốc	Duy	11/09/2003	CCQ2315B		Duy	8.9	8.5	8.7
5	2123150050	Phạm Ngọc	Hiền	14/03/2005	CCQ2315B		Hiền	8.4	8.0	8.2
6	2123150045	Nguyễn Đức	Hoà	07/09/2005	CCQ2315B		Hoà	7.7	7.0	7.3
7	2123150061	Nguyễn Nhật	Hòa	21/05/2005	CCQ2315B		hòa	7.7	6.8	7.2
8	2123150059	Nguyễn Minh	Hoàn	07/01/2005	CCQ2315B		Hoàn	8.8	8.0	8.3
9	2122150036	Nguyễn Khắc Nam	Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A		huy	5.1	5.3	5.2
10	2123150073	Phan Đình	Khôi	27/05/2003	CCQ2315B					
11	2123150070	Lê Hoài	Nam	05/10/2005	CCQ2315B		Nam	8.0	9.0	8.6
12	2123150058	Nguyễn Như	Phát	01/01/2005	CCQ2315B		Phát	6.8	6.5	6.6
13	2123150063	Phan Huy	Sang	08/03/2005	CCQ2315B		Sang	7.1	6.5	6.7
14	2123150051	Huỳnh Tấn	Sanh	17/09/2005	CCQ2315B					
15	2123150047	Phạm Đăng	Son	29/03/2005	CCQ2315B		Son	8.1	7.5	7.7
16	2123150046	Phan Thành	Sỹ	24/07/2005	CCQ2315B		Sỹ	7.1	6.0	6.4
17	2123150057	Bùi Đức	Tài	15/10/2004	CCQ2315B		Tài	8.2	7.0	7.5
18	2123150042	Trần Thanh	Thông	14/06/2005	CCQ2315B		Thống	8.6	8.0	8.2
19	2123150053	Nguyễn Hữu	Trí	20/04/2005	CCQ2315B		Trí	8.7	8.5	8.6
20	2123150080	Đỗ Văn	Triều	16/09/2005	CCQ2315B		Triều	8.9	8.5	8.7
21	2123150038	Trào Công	Trình	20/10/2005	CCQ2315B		TRÌNH	5.2	5.0	5.1
22	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tường	26/01/2005	CCQ2315B		Tường	7.8	7.0	7.3
23	2123150048	Vũ Khắc	Tường	22/08/2005	CCQ2315B		Tường	8.4	8.5	8.5
24	2123150052	Trần Long	Vĩ	04/05/2005	CCQ2315B		Vĩ	7.1	7.0	7.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

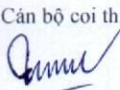
Môn học : [22833103] - Hệ thống sản xuất linh
hoạt (CCQ2315C)

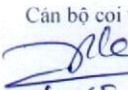
CBGD: Nguyễn Lê Nhứt Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 18...

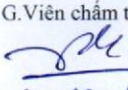
Số bài thi: 18...

Số tờ giấy thi: 18...


N/N Tuyên Ng Việt Khoa


N/N Tuyên Ng Việt Khoa


N/N Tuyên Ng Việt Khoa


N/N Tuyên Ng Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150100	Mao Văn Cao	31/10/2005	CCQ2315C		cao	7.2	8.0	7.7
2	2123150074	Vũ Huy Đà	23/03/2005	CCQ2315C		Đ	7.0	7.5	7.3
3	2123150087	Đương Thanh Đan	03/02/2003	CCQ2315C					
4	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát Đạt	28/08/2005	CCQ2315C		Đ	7.2	6.0	6.5
5	2123150075	Nguyễn Đức Duy	08/07/2005	CCQ2315C		Đ	8.5	8.5	8.5
6	2123150090	Phạm Thế Duy	05/12/2005	CCQ2315C		Đ	7.6	7.0	7.2
7	2123150082	Võ Tùng Duy	24/04/2005	CCQ2315C		Đ	8.2	8.0	8.1
8	2123150096	Trần Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C		Đ	8.0	8.5	8.3
9	2123150083	Nguyễn Xuân Hùng	29/12/2005	CCQ2315C		Hung	7.1	7.0	7.0
10	2123150095	Trần Vũ Quang Huy	13/09/2005	CCQ2315C		Đ	8.3	9.3	8.9
11	2123150099	Bùi Tấn Lộc	02/09/2003	CCQ2315C		Đ	5.1	6.0	5.6
12	2123150060	Huỳnh Nhựt Phong	19/08/2005	CCQ2315A					
13	2123150078	Huỳnh Văn Phú	21/03/2005	CCQ2315C		Phú	7.1	6.5	6.7
14	2123150079	Nguyễn Thị Bích Quyên	22/01/2005	CCQ2315C		Đ	9.0	9.5	9.3
15	2123150089	Cao Tấn Tài	16/01/2005	CCQ2315C		Đ	9.3	9.5	9.4
16	2123150085	Trần Quốc Thịnh	21/02/2005	CCQ2315C		Đ	7.5	9.0	8.4
17	2123150091	Nguyễn Xuân Thuyết	10/01/2003	CCQ2315C		Đ	6.0	7.0	6.6
18	2121150021	Nguyễn Kim Tiến	15/09/2003	CCQ2115A		Tiến	5.0	5.0	5.0
19	2123150077	Nguyễn Phan Bảo Trọng	21/07/2005	CCQ2315C		Trọng	7.4	7.5	7.5
20	2123150084	Nguyễn Ngọc Tuyên	13/05/2004	CCQ2315C		Đ	7.3	7.5	7.4